**HỆ THỐNG ÔN TẬP CÁC BÀI LỚP 12 NGUỒN HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TỐT NGHIỆP**

**BÀI 1. VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA LÂM NGHIỆP**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

Câu 1. Một trong những vai trò quan trọng của rừng phòng hộ đầu nguồn là

A. làm giảm độ dốc cho đất rừng.

B. điều hoà dòng chảy, chống xói mòn đất.

C. làm tăng nhiệt độ không khí.

D. làm giảm lượng mưa hằng năm.

Câu 2. Vai trò quan trọng nhất của rừng phòng hộ đầu nguồn là

A. cung cấp gỗ nguyên liệu cho ngành sản xuất giấy.

B. tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

C. giữ đất, giữ nước, ngăn lũ, điều hoà dòng chảy, chống xói mòn.

D. cung cấp nhiều cây thuốc quý để sản xuất thuốc nam.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây về vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống là đúng?

A. Cung cấp không gian sống cho gia súc.

B. Cung cấp gỗ cho một số ngành công nghiệp chế biến, xây dựng cơ bản, tiêu dùng xã hội.

C. Tăng sản lượng lương thực.

D. Giảm lượng mưa trung bình hằng năm cho vùng miền núi.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?

A. Lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất có chu kì kinh doanh dài, tốc độ quay vòng vốn chậm.

B. Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp có độ dốc cao, địa hình chia cắt phức tạp, hiểm trở, đất nghèo dinh dưỡng.

C. Hoạt động sản xuất lâm nghiệp không có tính thời vụ.

D. Quá trình tái sản xuất tự nhiên luôn giữ vai trò quyết định trong hoạt động sản

xuất lâm nghiệp.

Câu 5. Để khắc phục tình trạng suy thoái tài nguyên rừng, cần:

A. hoàn thành việc giao đất, giao rừng để đảm bảo tất cả diện tích rừng và đất

rừng đều có chủ.

B. tinh giản bộ máy quản lí nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp.

C. chuyển đổi rừng ngập mặn sang đầm nuôi tôm.

D. chỉ tập trung kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lí nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương.

Câu 6. Có các nhận định về triển vọng của lâm nghiệp đối với xã hội ở nước ta:

(1) Tăng tỉ lệ lao động được đào tạo nghề làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp.

(2) Góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

(3) Nâng cao trình độ học vấn cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

(4) Tăng số hộ miền núi, người dân tộc thiểu số sống ở vùng rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hoá.

(5) Tăng mức thu nhập bình quân cho người dân tộc thiếu số sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp.

Các nhận định đúng là

A. (2), (3), (4), (5).

B. (1), (2), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (4).

D. (1), (2), (3), (5).

Câu 7. Rừng được sử dụng cho những mục đích nào dưới đây:

(1) Cung cấp gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

(2) Bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng, hệ sinh thái rừng tự nhiên.

(3) Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất.

(4) Cung cấp dịch vụ môi trường rừng.

(5) Đất rừng sử dụng cho canh tác cây lương thực.

Các phát biểu đúng là:

A. (1), (2), (3), (4).

B. (2), (3), (4), (5).

C. (1), (3), (4), (5).

D. (2), (3), (4), (5).

**Câu 8.** Một trong những vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người là

**A.** cung cấp dược liệu quý phục vụ nhu cầu chữa bệnh và nâng cao sức khoẻ của con người.

**B.** cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.

**C.** cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.

**D.** cung cấp lương thực phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

**Câu 9.** Cung cấp lâm sản, cây công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu là một trong những vai trò quan trọng của

**A.** chăn nuôi. **B.** lâm nghiệp. **C.** trồng trọt. **D.** thuỷ sản.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người?

**A.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.

**B.** Tạo công ăn việc làm, giúp ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi.

**C.** Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi.

**D.** Là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

**Câu 11.** Sản phẩm nào sau đây là sản phẩm của lâm nghiệp?

**A.** Cá suối. **B.** Lúa nương. **C.** Gà đồi. **D.** Mật ong rừng.

**Câu 12.** Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp?

**A.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa.

**C.** Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

**D.** Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ nuôi trồng thuỷ sản.

**Câu 13.** Sản phẩm nào sau đây có nguồn gốc từ lâm nghiệp?

**A.** Các loại ngô trồng trên nương. **B.** Giấy vở học sinh.

**C.** Thịt trâu gác bếp. **D**. Phân bón vi sinh vật.

**Câu14.** Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò nào sau đây?

**A.** Bảo tồn các loài động vật quý hiếm.

**B.** Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.

**C.** Chắn sóng, chắn gió bảo vệ dân cư ven biển.

**D.** Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.

**Câu 15.** Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ ven biển có vai trò nào sau đây?

**A.** Bảo tồn các loài thực vật quý hiếm.

**B.** Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.

**C.** Làm sạch không khí, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp.

**D.** Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ viết báo cáo về chủ đề “Đặc trung cơ bản của sản xuất lâm nghiệp”. Sau khi thảo luận giữa các thành viên trong nhóm, một số ý kiến được nêu ra như sau:

**a)** Địa bàn sản xuất lâm nghiệp thường có điều kiện tự nhiên thuận lợi, cơ sở hạ tầng phát triển tốt.

**b)** Ngành lâm nghiệp là ngành sản xuất kinh doanh có chu kì dài.

**c)** Hoạt động sản xuất lâm nghiệp không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên có thể diễn ra vào bất cứ thời điểm nào trong năm.

**d)** Quá trình tái sản xuất tự nhiên và quá trình tái sản xuất kinh tế luôn diễn ra xen kẽ nhau trong sản xuất lâm nghiệp.

Câu 2. Trong buổi thảo luận của nhóm học sinh về “Vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống và môi trường”. Có một số ý kiến được đưa ra như sau:

A. Vai trò cung cấp gỗ và lâm sản ngoài gỗ của lâm nghiệp là quan trọng nhất.

B. Vai trò của lâm nghiệp được thể hiện như: khả năng cung cấp gỗ và lâm sản ngoài gỗ, khả năng phòng hộ và bảo vệ môi trường, cải thiện thu nhập cho người trồng rừng.

C. Rừng là môi trường sống tự nhiên cho nhiều loài thực vật, động vật và vi sinh vật.

D. Chỉ có các hệ sinh thái rừng tự nhiên góp phần giảm phát thải khí nhà kinh.

**Câu 3.** Một nhóm học sinh khi thực hiện nhiệm vụ “Nêu yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp” đã đưa ra các yêu cầu như sau:

**a)** Có sức khoẻ tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm cao trong công việc.

**b)** Có kiến thức cơ bản về quy luật phát sinh, phát triển của cây rừng.

**c)** Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác và bảo vệ rừng.

**d)** Yêu thích các môn học như Ngữ văn, Toán học, tiếng Anh.

**BÀI 2. CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP CƠ BẢN VÀ NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU LÀM SUY THOÁI TÀI NGUYÊN RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

Câu 1. Các hoạt động cơ bản của lâm nghiệp gồm:

A. Phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản, quản lí rừng.

B. Quản lí rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản.

C. Quản lí rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng, khai thác rừng.

D. Quản lí rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, chế biển và thương mại lâm sản.

Câu 2. Chân thả gia súc tự do vào trong các hệ sinh thái rừng đã tàn phá rừng trên diện rộng, gây ảnh hưởng nặng nề đối với:

(1) Lớp cây tái sinh.

(2) Hoạt động của hệ vì sinh vật đất.

(3) Nhiệt độ đất rừng,Bộ Cấu trúc đất

(5) Sinh trưởng của quần thể thực vật rừng.

Các phát biểu cũng là

A. (2), (3), (4), (5).

B. (1), (2), (4), (5).

C. (1), (3), (4), (5).

D. (1). (2), (3), (4).

Câu 3. Rừng ở nước ta bị suy thoái chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

(1) Phá rừng để trồng cây công nghiệp và đặc sản.

(2) Cháy rừng.

(3) Chăn thả gia súc.

(4) Phát triển cơ sở hạ tầng và khai khoáng.

(5) Trồng cây phân tán.

Các phát biểu đúng là:

A. (1), (2), (4), (5).

B. (1), (3), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (4).

D. (2), (3), (4), (5).

Câu 4. Phát triển cơ sở hạ tầng và khai khoáng gây suy thoái tài nguyên

A. ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm trong hệ sinh thái rừng.

B. làm nhiều diện tích rừng bị suy giảm.

C. làm mất hoặc chia cắt sinh cảnh tự nhiên của nhiều loài sinh vật rừng.

D. làm nhiều diện tích rừng bị suy giảm, mất hoặc chia cắt sinh cảnh của nhiều loài sinh vật rừng.

**Câu5.** Hoạt động quản lí rừng **không** bao gồm hoạt động nào sau đây?

**A.** Giao rừng, cho thuê rừng.

**B.** Phòng chống cháy rừng.

**C.** Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**D**. Thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh.

**Câu 6.** Hoạt động giao rừng được hiểu là

**A.** nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng một lần.

**B.** nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng hằng năm.

**C.** nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và không thu tiền sử dụng rừng.

**D.** nhà nước chỉ giao rừng cho các tổ chức, không giao rừng cho hộ gia đình và cá nhân.

**Câu 7.** Cho các hoạt động như sau:

(1) Quản lí rừng.

(2) Trồng rừng.

(3) Chăm sóc rừng.

(4) Phát triển rừng.

(5) Sử dụng rừng.

(6) Chế biến và thương mại lâm sản.

Các hoạt động lâm nghiệp cơ bản là:

**A.** (1), (3), (4), (5). **B.** (2), 3), (4), (6). **C.** (1), (4), (5), (6). **D.** (2), (3), (5), (6).

5)

**Câu 8.** Cho các hoạt động như sau:

(1) Trồng rừng.

(2) Chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

(3) Phát triển giống cây lâm nghiệp.

(4) Phòng và chữa cháy rừng.

(5) Trồng cấy thực vật rừng, gây nuôi phát triển động vật rừng.

Các hoạt động phát triển rừng là:

**A.** (1), (2), (3), (5). **B.** (2), (3), (4), (5). **C.** (1), (3), (4), (5). **D.** (1), (2). (4), (5).

**Câu 9.** Hoạt động nào sau đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

**B.** Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

**C.** Nhà nước cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng đề sản xuất lâm nghiệp.

**D.** Tăng cường khai thác gỗ và các sản phẩm khác từ rừng để phát triển kinh tế.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Kiểm soát suy thoái động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm.

**B.** Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

**C.** Phá rừng trồng cây công nghiệp và cây đặc sản.

**D.** Kiểm soát từng loại rừng thông qua những quy chế pháp lí riêng.

**Câu 11.** Vì sao sự gia tăng chăn thả gia súc (trâu, bò,. . . ) là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Sự gia tăng chăn thả gia súc dẫn đến chặt phá rừng để mở rộng diện tích làm nơi chăn thả.

**B.** Sự gia tăng chăn thả gia súc dẫn đến chặt phá rừng để lấy gỗ làm chuồng muôi.

**C.** Sự gia tăng chăn thả gia súc dẫn đến ô nhiễm môi trường làm cho cây rừng bị chết.

**D.** Sự gia tăng chăn thả gia súc dẫn đến cạnh tranh thức ăn với các loại động vật rừng.

**Câu 12.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng kiểm soát suy thoái động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm?

**A.** Giao, cho thuê và thu hồi rừng, đất trồng rừng.

**B.** Khuyến khích nuôi các loài động vật quý hiếm để làm cảnh.

**C.** Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

**D.** Nghiên cứu sử dụng các loài động vật, thực vật quý hiếm đẻ làm thuốc.

**Câu 13.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng khắc phục suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Không thực hiện việc giao, cho thuê và thu hồi rừng, đất trồng rừng.

**B.** Ngăn chặn việc khai thác, săn bắt, vận chuyển, mua bán các loài động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm và sản phẩm của chúng.

**C.** Ngăn chặn việc xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

**D.** Nâng cao hiệu quả sử dụng các loài động vật, thực vật quý hiếm đề làm thuốc.

**Câu 14.** Việc giao, cho thuê rừng và đất trồng rừng mang lại lợi ích nào sau đây?

**A.** Trao quyền cho chủ rừng chủ động chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

**B.** Tạo điều kiện cho chủ rừng xây dựng nhà ở, khách sạn trên đất rừng.

**C.** Nâng cao sự gắn bó, quyền lợi và trách nhiệm của chủ đất, chủ rừng.

**D.** Cho phép chủ rừng khai thác tối đa nguồn tài nguyên rừng.

**Câu 15.** Việc xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia có tác động như thế nào đối với các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm?

**A.** Tạo môi trường thuận lợi cho sự sống và phát triển của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

**B.** Làm giảm diện tích rừng dẫn đến giảm khu vực sống của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

**C.** Giúp ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

**D.** Nâng cao giá trị của các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Hiện trạng một khu rừng tự nhiên tại một xã thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc như sau: tán rừng thưa, cấu trúc rừng bị phá vỡ, rừng nghèo kiệt với thành phần cây bụi và cây gỗ đường kính nhỏ chiếm chủ yếu. Một phần diện tích có rừng che phủ trước đây hiện đang trồng ngô và sắn. Người ta đưa ra một số nhận định về nguyên nhân gây suy thoái tài nguyên rừng ở khu vực này như sau:

**a)** Hệ sinh thái rừng bị suy giảm do xây dựng nhà máy thuỷ điện.

**b)** Diện tích rừng bị thu hẹp do lấy đất trồng cây nông nghiệp.

**c)** Chất lượng rừng bị suy giảm do khai thác gỗ không bền vững.

**d)** Diện tích rừng bị thu hẹp do phát triển cơ sở hạ tầng.

Câu 2. Tại một địa phương ở khu vực Tây Nguyên đang xảy ra tình trạng người dẫn địa phương lấn chiếm đất rừng cho trồng cây công nghiệp, khai thác gỗ bất hợp pháp diễn ra rất phức tạp tại các khu rừng đặc dụng. Dưới đây là những nhận định về các giải pháp phù hợp để khắc phục tinh trạng suy thoái tài nguyên rừng tại địa phương này.

**a)** Đẩy mạnh công tác tuyến truyền, phổ biến, giáo dục cho người dẫn địa phương về ý nghĩa của bảo vệ rừng.

**b)** Phát triển các cơ sở chế biến lâm sản.

**c)** Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng nhằm đưa ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời những tác động tiêu cực vào rừng.

**d)** Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lí nhà nước về lâm nghiệp tại địa phương.

Câu 3. Một nhóm học sinh trao đổi về các biện pháp để phục hồi lại rừng sau khai thác. Một số ý kiến được đưa ra như sau:

**a)** Áp dụng tái sinh nhân tạo sau khai thác trắng.

**b)** Áp dụng tái sinh tự nhiên sau khai thác trắng.

**c)** Áp dụng tái sinh tự nhiên sau khai thác chọn.

**d)** Đối với khai thác dần, chỉ có thể sử dụng tái sinh nhân tạo.

**Câu 3.** Một nhóm học sinh thảo luận về những việc nên làm để hạn chế suy thoái tài nguyên rừng, sau khi thảo luận đã đưa ra các việc nên làm như sau:

**a)** Giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật để giúp nâng cao sự gắn bó, quyền lợi và trách nhiệm của chủ rừng.

**b)** Tăng cường khai thác tài nguyên rừng phục vụ phát triển kinh tế.

**c)** Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia để bảo vệ các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.

**d)** Tăng cường trồng cây công nghiệp và cây đặc sản ở những rừng có nguy cơ bị tàn phá.

**BÀI 3. VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA VIỆC TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Trồng rừng có vai trò nào sau đây?

**A.** Cung cấp lương thực cho con người.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Tạo công ăn việc làm cho người lao động.

**D.** Cung cấp thức ăn để phát triển chăn nuôi.

**Câu 2.** Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò quan trọng nào sau đây?

**A.** Giúp điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Bảo vệ môi trường sinh thái trong các khu công nghiệp.

**D.** Ngăn chặn sự xâm lấn của nước mặn vào đồng ruộng.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vai tròcủa trồng rừng?

**A.** Giúp mở rộng diện tích trồng cây ăn quả vàcây đặc sản.

**B.** Cung cấp nơi ở cho đồng bào dân tộc thiểu số. **C.** Giúp cung cấp gỗ cho nhu cầu của con người, giúp bảo vệ các diện tích rừng tự nhiên.

**D.** Cung cấp nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

**Câu 4.** Những hoạt động nào sau đây đều là hoạt động chăm sóc rừng?

**A.** Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, bón phân**,** tưới nước.

**B.** Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu hại, phòng chốngcháy rừng, tưới nước.

**C.** Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, bón phân, tưới nước, khai thác rừng trồng.

**D.** Làm cỏ, làm hàng rào bảo vệ, tỉa cành, bón phân, tưới nước.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của chăm sóc rừng?

**A.** Hạn chế tác hại do cháy rừng gây ra. **B.** Ngăn chặn gia súc gây hại cây rừng.

**C.** Cung cấp gỗ và các lâm sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người và xuất khẩu.

**D.** Giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

**Câu 6.** Trong hoạt động chăm sóc rừng, các công việc “tỉa cành, tỉa thưa” nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Hạn chế sự cạnh tranhdinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

**B.** Hạn chếsự sinhtrưởng, phát triểncủa cây dại.

**C.** Tạo không gian thuận lợi cho quá trình sinhtrưởng của cây rừng.

**D.** Giúp cây rừng nâng cao sức đề kháng, tăng sức khả năng chống chịu sâu, bệnh hại.

**Câu 7.** Công việc nào sau đây giúp giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với câyrừng?

**A.** Tỉa cành, tỉathưa.

**B.** Bón phân, tưới nước.

**C.** Làmhàng rào bảo vệ.

**D.** Làm cỏ, chặt bỏ cây dại.

**Câu 8.** Đảm bảo thường xuyên phủ xanh diện tích rừng là nhiệm vụ của hoạt động nào sau đây?

**A.** Chăm sóc rừng.

**B.** Trồng rừng.

**C.** Bảo vệ rừng.

**D.** Khai thác rừng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Nhà nước giao đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho chủ rừng A để quản lí, bảo vệ và phát triển rừng. Dưới đây là những nhận định về nhiệm vụ bảo vệ rừng của chủ rừng A:

**a)** Có trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy rừng.

**b)** Tăng sản lượng gỗ khai thác hằng năm.

**c)** Trồng thêm cây nông nghiệp dưới tán rừng.

**d)** Có trách nhiệm theo dõi diễn biến rừng, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, hệ sinh thái rừng.

**BÀI 4. QUY LUẬT SINH TRƯỞNG PHÁT TRIỂN CỦA CÂY RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

Câu 1 Sinh trưởng đường kính và chiều cao của cây rừng đạt kích thước cực đại ở giai đoạn nào?

A. Giai đoạn non.

B. Giai đoạn gần thành thục.

C. Giai đoạn thành thục.

D. Giai đoạn giả cỗi.

Câu2. Cây rừng thường có biểu hiện bị rỗng ruột ở giai đoạn nào?

A. Giai đoạn cây con.

B. Giai đoạn gần thành thục.

C. Giai đoạn thành thục.

D. Giai đoạn già cỗi.

Câu 3. Cây rừng bắt đầu ra hoa, kết quả ở giai đoạn nào?

A. Giai đoạn non.

B. Giai đoạn gần thành thục.

C. Giai đoạn thành thục.

D. Giai đoạn già cỗi.

**Câu 4.** Sinh trưởng của cây rừng là gì?

**A.** Là sự tăng lên về số lượng cây rừng.

**B.** Là sự tăng lên về mật độcây rừng.

**C.** Là sự tăng lên về kíchthước và khối lượng của cây rừng.

**D.** Là sự tăng lên về chiều caocủa câyrừng.

**Câu 5.** Cácđại lượng nàosau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng?

**A.** Sự tăng trưởng đường kính**,** chiều cao và thể tích cây.

**B.** Sự tăng trưởng vềchiều cao**,** số lá, và mậtđộ của cây rừng.

**C.** Sự tăng trưởng về **số** hoa, số quảcủa cây rừng.

**D.** Sự tăng trưởng về năng suất vàsản lượng của cây rừng.

**Câu 6.** Phát triển của cây rừng là gì?

**A.** Là quá trình tăng trưởng về kích thước và khối lượng của cây.

**B.** Là quá trình tăng trưởng về số lượng của cây trong một chukì sống.

**C.** Là quá trình biến đổi về hình thái của rễ, thân, lá và cơ quan sinh sản của cây.

**D.** Là quá trình biến đổi về chấtvà sự phát sinh các cơ quan trong toàn bộ đời sống của cây.

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về sinh trưởng và phát triển của cây rừng?

**A.** Sinh trưởng thường diễn ravào ban ngày, phát triển thường diễn ra vào ban đêm.

**B.** Phát triển diễn ra chủ yếu ở giai đoạn cây còn non.

**C.** Sinh trưởng tích luỹ vật chấtlàm điều kiện để cây phát triển.

**D.** Phát triển là những biểu hiệncụ thể của quá trình sinh trưởng.

**Câu 8.** Đại lượng nào sau đây biểu thị cho sự phát triểncủa cây rừng?

**A.** Sự tăng trưởng đường kính thâncây.

**B.** Sự tăng trưởng về chiều cao của cây.

**C.** Sự ra hoa, đậu quả của cây.

**D.** Sự thay đổi vềthể tích của thân cây.

**Câu 9.** Đại lượngnào sau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng:?

**A.** Sự tích luỹ các hợp chất ở rễ cây.

**B.** Sự tăng trưởng về chiều cao của thân cây.

**C.** Sự ra hoa, đậu quả của cây.

**D.** Sự thay đổi vềđộ cứng của thân cây.

**Câu 10.** Nênkhai thác rừng vào giai đoạn nào sau đây?

**A.** Giai đoạn non.

**B.** Giai đoạn gầnthành thục.

**C.** Giai đoạn thànhthục.

**D.** Giai đoạn già cỗi.

**Câu 11.** Nộidung nào sau đây đúng khi nói vềgiai đoạn gần thành thục của cây rừng?

**A.** Sức đề kháng của cây yếu.

**B.** Chất lượnglâm sản ổn định, năng suấtcao.

**C.** Quá trình sinh trưởng của cây diễn ra mạnh.

**D.** Cây chuẩn bị bước vào thời kì ra hoa, kết quả.

**Câu 12.** Giai đoạn gầnthành thục của cây rừng là?

**A.** giai đoạn cây chuẩn bị ra hoa lần thứ nhất.

**B.** giai đoạn từ 3đến 5 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.

**C.** giai đoạn cây ngừng sinh trưởng.

**D.** giai đoạn cây chuẩn bị chuyển sang giai đoạn già cỗi.

**Câu 13.** Cây rừng ở giai đoạn thành thục có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Sinh trưởng chậmlại**,** tán cây đã định hình.

**B.** Khả năngra hoa, đậu quả giảm.

**C.** Cây chuẩn bị bước vào giai đoạn hình thành quả.

**D.** Tính chống chịu của cây kém, mẫn cảm với các điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 14.** Nộidung nào sau đây là một trong những biểu hiện của cây rừng ở giai đoạn già cỗi?

**A.** Ítbị sâu, bệnh phá hại so vớicác gia đoạn khác.

**B.** Khả năng ra hoa, đậu quả giảm.

**C.** Thích ứng tốt với các điều kiện bất lợi của môi trường như hạn hán, nắng nóng.

**D.** Các quá trình traođổi chất diễn ra nhanh.

**Câu 15.** Cây rừng ở giai đoạn già cỗi có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Chất lượng hạt tốtnên thường được thu hạt để làm giống.

**B.** Khả năng ra hoa, đậu quả tăng.

**C.** Tăng trưởng hằngnăm giảm rồi ngừng hẳn.

**D.** Sức đề kháng của cây tốt nên ít bịsâu, bệnh hại.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Một khu rừng keo trồng lấy gỗ, đa phần các cây đang ở giai đoạn hình thành tán, có nhiều hoa, quả. Sau đây là một số phát biểu.

**a)** Rừng keo có tác dụng điều hoà không khí.

**b)** Cây trong khu rừng nói trên đang ở giai đoạn thành thục.

**c)** Nên thực hiện ngay việc khai thác rừng để thu được sản lượng gỗ cao nhất.

**d)** Cây rừng ở giai đoạn này cần vun xới, làm cỏ để nâng cao sản lượng hạt giống.

**BÀI 5. KĨ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

Câu 1. Thời vụ trồng rừng thích hợp cho miền Trung và miền Nam ở nước ta là

A. xuân hè.

B. mùa hè.

C. mùa mưa.

D. mùa xuân.

Câu 2. Hoạt động nào dưới đây không thuộc các biện pháp chăm sóc rừng?

A. Gieo hạt.

B. Trồng dặm.

C. Làm cỏ.

D. Tia thưa, tia cành.

Câu 3. Khi trồng rừng bằng gieo hạt thẳng, có những phương thức gieo hạt nào?

A. gieo theo hàng và khóm.

B. gieo theo hố và khóm.

C. gieo theo hố và hàng.

D. gieo toàn diện và gieo cục bộ.

Câu 4. Có các bước trong quy trình kĩ thuật trồng rừng bằng cây con rễ trần

như sau:

(1) Tạo hố trồng cây

(2) Đặt cây vào hố.

3) Lấp đến 1.

(4) Vui gốc.

(5) Lấp đất lần 2.

Thứ tự các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần nào dưới đây là đúng?

A (1) → (2) → (3) → (4)→ (5).

B. (1) → (3) →2()→ (5)→ (4).

C. (1) (2)→(3)→ (5)→ (4).

D. (1) →(4) → (3)→ (2)→ (5).

Câu 6. Thời vụ trồng rừng thích hợp cho miền Bắc ở nước ta là

A. mùa thu.

B. mùa hè.

C. mùa đông.

D. mùa xuân và xuân hè.

**Câu 6.** Công việc làm cỏ, vun xới trong chăm sóc rừng thường diễn ra vào thời kì nào sau đây?

**A.** Bắt đầu từ năm thứ hai sau khi trồng đến khi thu hoạch.

**B.** Bắt đầu từ năm thứ ba sau khi trồng đến khi thu hoạch.

**C.** 03 năm đầu sau khi trồng.

**D.** 03 năm trước khi thu hoạch.

**Câu 7.** Công việc làm cỏ, vun xới trong chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây?

**A.** Làm cho đất tơi xốp, giảm khả năng thấm nước của đất.

**B.** Trừ cỏ dại và phá bỏ nơi ẩn nấp của sâu, bệnh hại.

**C.** Cung cấp ánh sáng cho cây rừng.

**D.** Nâng cao khả năng trao đổi chất của cây rừng nổi này .

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về công việc làm cỏ, vun xới cho cây rừng?

**A.** Làm cỏ, vun xới toàn diện áp dụng cho địa hình đất dốc.

**B.** Làm cỏ, vun xới cục bộ áp dụng cho địa hình bằng phẳng.

**C.** Thời điểm làm cỏ, vun xới thích hợp là khi cỏ bắt đầu tàn lụi.

**D.** Có thể làm cỏ, vun xới toàn diện hoặc cục bộ.

**Câu 9.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng

sinh trưởng, phát triển của cây rừng?

**A.** Làm cỏ, vun xới. **B.** Tỉacành, tỉa thưa.

**C.** Bón phân thúc. **D.** Làm cỏ,tưới nước.

**Câu 10.** Bón phân thúc cho cây rừng có vai trò nào sau đây?

**A.** Nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm thu hoạch.

**B.** Hạn chế sự cạnh tranh dinh dưỡng của cỏ dại với cây rừng.

**C.** Phòng trừ sâu, bệnh hại cho cây rừng.

**D.** Ức chế sự phát triển của cỏ dại.

**Câu 11.** Tưới nước cho cây rừng có vai trò nào sau đây?

**A.** Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.

**B.** Giảm khuyết tật của cây rừng và nâng cao chất lượng gỗ thu hoạch.

**C.** Nâng cao tỉ lệ sống và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây rừng.

**D.** Kìm hãm sự phát triển của cỏ dại.

**Câu 12.** Nênbón phân thúc cho cây rừng vào thời điểm nào sau đây?

**A.** Ngay sau khi trồng. **B.** Trước khi trồng cây.

**C.** Trước khi làm cỏ, vun xới. **D.** Sau khi làm cỏ dại.

**Câu 13.** Hoạt động tỉa cành thường được thực **hiện** vào thời điểm nào sau đây?

**A.** Vào đầu mùa mưa, trong những ngày có mưa nhỏ.

**B.** Vào đầu mùa khô, trong những ngày thời tiết khô ráo.

**C.** Vào giữa mùa mưa, trong những ngày có mưa nhỏ.

**D.** Vào cuối mùa khô, trong những ngày nắng nóng.

**Câu 14.** Hoạt động tỉa cành nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Đảm bảo mật độ cây rừng thích hợp.

**B.** Tăng sức đề kháng cho cây rừng.

**C.** Giảm khuyết tật, nâng cao chất lượng gỗ.

**D.** Phòng trừ sâu, bệnh hại cho cây rừng.

**Câu 15.** Hoạt động tỉa thưa nhằm mục đích nào sau đây? lưu nhi một and Mead

**A.** Đảm bảo mật độ cây rừng thích hợp.

**B.** Thay thế những câykhuyết tật bằng cây khoẻ.

**C.** Thay thế những cây bị sâu bệnh bằng cây khoẻ.

**D.** Loại bỏ cây già yếu kết hợp vệ sinh rừng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Một khu rừng mới trồng có nhiều cỏ dại và cây rừng non còi cọc. Dưới đây là những nhận định về các biện pháp chăm sóc rừng phù hợp nên được dụng tại đây:

**a)** Làm cỏ nhằm giúp cây trống chính có đủ không gian sống.

**b)** Trồng xen cây nông nghiệp để giảm có đại.

**c)** Bón thúc nhằm bổ sung kịp thời dinh dưỡng cho cây trong giai đoạn còn non để cây sinh trưởng tốt nhất.

**d)** Sử dụng thuốc diệt cỏ dại.

**Câu 2.** Một nhóm học sinh thảo luận về chủ đề “Trồng và chăm sóc rừng”, sau khi thảo luận đã thống nhất một số nộidung. Sau đây là một số nội dung:

**a)** Một trong những vai trò của trồng rừng là phủ xanh đất trồng, đồi núi trọc.

**b)** Trồng rừng bằng gieo hạt có tỉ lệ sống cao hơn trồng rừng bằng cây con.

**c)** Thời vụ trồng rừng thích hợp ở các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang là mùa xuân hoặc xuân hè.

**d)** Đối với những vùng khó khăn khi chăm sóc nên trồng rừng bằng hạt.

**BÀI 6. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ, THỰC TRẠNG CỦA VIỆC BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

Câu 1. Trong công tác bảo vệ rừng, chủ rừng cần có nhiệm vụ

A. giải quyết tranh chấp liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

B. chỉ đạo thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương.

C. chỉ đạo thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương.

D. phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật.

Câu 2. Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2020, tỉnh trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng ở nước ta

A giảm cả về số vụ vi phạm và mức độ thiệt hại.

B. tăng số vụ vi phạm nhưng diện tích rừng bị thiệt hại giảm.

C. tăng cả về số vụ vi phạm và mức độ thiệt hại.

D. giảm số vụ vi phạm nhưng diện tích rừng bị thiệt hại tăng.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về nhiệm vụ của các bên liên quan trọng công tác bảo vệ rừng?

A. Chủ rừng cần chấp hành sự quản lí, thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. Người dân cần có trách nhiệm theo dõi diễn biến rừng

C. Người dân cần có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ rừng về các hành vi vi phạm quy định về quản lí, bảo vệ rừng.

D. Các cấp quản lí cần tổ chức, chỉ đạo thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng,

Câu 4. Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2020, khả năng đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến

A. giảm rõ rệt.

B. duy trì ổn định.

C. giảm từ 70% xuống dưới 30%.

D. tăng từ 30% đến trên 70%.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây?

A. Công tác cấp chứng chỉ quản lí rừng bền vững ở nước ta đã được quan tâm và nhân rộng.

B. Tài nguyên rừng giảm cả về diện tích và chất lượng rừng.

C. Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên giảm.

D. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng tăng rõ rệt.

Câu 6. Nội dung nào sau đây không thuộc nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng bền vững?

A. Nâng cao khả năng chống xói mòn của rừng.

B. Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.

C. Tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với khai thác các khối lớn thực vật rừng quý, hiếm

D. Áp dụng kĩ thuật khai thác phù hợp nhằm hạn chế tác động xấu tới môi trường rừng và đa dạng sinh học, duy trì được chức năng phương nói của riêng

Câu 7. Dưới đây là các nội dung đánh giá về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây.

(1) Đã thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

(2) Không xảy ra cháy rừng

(3) Ngăn chặn có hiệu quả nạn chặt phá rừng khai thác tài nguyên rừng trái phép và cháy rừng

(4) Duy trì ổn định điện tích rừng tự nhiên, tăng diện tích rừng trồng

(5) Nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt

Các phát biểu đúng là

A. (1), (2), (3), (5).

B. (1), (3), (4), (5).

C. (2), (3), (4), (5).

D. (1), (2), (4), (5).

Câu 8. Có các phát biểu về nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng như sau:

(1) Sản lượng gỗ của loài được khai thác không lớn hơn lượng gỗ của loài đó.

(2) Tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiểm và các loài được ưu tiên bảo vệ.

(3) Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.

(4) Mở rộng diện tích chăn thả gia súc.

(5) Dạy trì được chức năng phòng hộ của rừng.

Cần nhân định đúng là

A. (1), (3), (4), (5).

B. (2), (3), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (5).

D. (1), (2), (4), (5).

 Câu 9. Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về thực trạng khai thác rừng ở nước ta trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020?

A Tổng sản lượng gỗ khai thác hằng năm trên toàn quốc giảm dần.

B. Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng trồng tập trung tăng mạnh.

C. Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng tự nhiên tăng đều các năm.

D. Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng trồng tập trung giảm liên tục.

Câu 10. Chủ rừng không gồm những đối tượng nào dưới đây:

A. Ban quản lí rừng phòng hộ.

B. Hội phụ nữ.

C. Hộ gia đình, cá nhân trong nước.

D. Tổ chức kinh tế.

**Câu 11.** Bảo vệtài nguyên rừng có ý nghĩa nào sau đây?

**A.** Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Bảo tồnnguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.

**D.** Nâng cao diện tích rừng, cung cấp lâm sản cho nhu cầu của con người.

**Câu 12.** Bảo vệ rừng là nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân nào sau đây?

**A.** Toàn dân. **B.** Chủ rừng.

**C.** Các cơ quan quản lí rừng. **D.** Chủ rừng và các cơ quan quản lí rừng.

**Câu 13.** Một trong những nhiệm vụ của người dân trong bảo vệ rừng là

**A.** Xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.

**B.** Chấp hành sự huy động nhân lực, phương tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra cháy rừng.

C. Tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

**D.** Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lí, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

**Câu 14.** Một trong những nhiệm vụ của chủ rừng trong bảo vệ rừng là

**A.** phòng trừ sinhvật gây hại rừng theo đúng quy định.

**B.** thông báo kịp thời cho người dân về cháy rừng

**C.** tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo **vệ** và phát triển rừng.

**D.** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lí, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

**Câu 15.** Biểu đồ sau đây là thực trạng về diện **tích** rừng ở nước ta giai **đoạn** 2007 – 2022,

****

**Phát biểu nào** sau **đây là đúng**?

**A.** Tổng diện tích rừng ở nước ta tăng từ 2,6 triệu ha năm 2007 lên 4,6 triệu ha năm 2022.

**B.** Diện tích rừng đặc dụng gần như không thay đổi từ năm 2007 đến năm 2022.

**C.** Diện tích rừng phòng hộ năm 2017 cao hơn so với các năm còn lại.

**D.** Tổng diện tích rừng năm 2022 là 4,6 triệu ha, trong đó rừng sản xuất chiếm gần 85%.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

Câu 1. Cho Bảng số liệu sau:

Bảng I. Số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp tại Vườn quốc gia Ba Bể

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành vi vi phạm | Số vụ vi phạm | Tổng |
| 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |  |
| Khai thác lâm sản trái phép | 22 | 11 | 26 | 10 | 8 | 7 | 84 |
| Vận chuyển lâm sản trái phép  | 39 | 27 | 18 | 7 | 3 | 3 | 97 |
| Phá rừng trồng cây nông nghiệp | 3 | 1 | 2 | 1 | - | - | 7 |

 Nguồn: Vườn Quốc gia Ba Bể, 2021

Từ Bảng 1 có một số nhận định về thực trạng bảo vệ rừng ở Vườn quốc gia Ba Bể trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 như sau:

**a)** Công tác bảo vệ rừng đã có những chuyển biến tích cực thể hiện thông qua số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp đã giảm.

**b)** Không còn xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật.

**c)** Tình trạng phá rừng trồng cây nông nghiệp vẫn diễn ra thường xuyên qua các năm.

**d)** Tình trạng khai thác rừng, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn diễn ra.

Câu 2. Trong buổi hoạt động ngoại khoá của một nhóm học sinh tại Vườn quốc gia Ba Vì, cản bộ quản lí Vườn Quốc gia cho nhóm học sinh thảo luận về chủ đề "nhiệm vụ khai thác tài nguyên rừng bền vững”. Dưới đây là một số ý kiến trong buổi thảo luận:

**a)** Chỉ được khai thác động vật rừng.

**b)** Khai thác lâm sản trong mỗi loại rừng cần thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

**c)** Được khai thác tất cả những cây rừng đã thành thục.

**d)** Cần tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ.

**Câu 3.** Để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, một nhóm học sinh đã thảo luận và đề xuất cần nghiêm cấm một số hành vi như sau:

**a)** Chăn thả gia súc ở khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

**b)** Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu bảo tồn loài sinh cảnh.

**c)** Đốt rừng lấy đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.

**d)** Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.